

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-01-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thành Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Dương Trung Lợi;

- Ông Hoàng Đình Mùi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện V.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2021/TLST – HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị L**, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố N, xã CT, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Sĩ D** (Nguyễn Sỹ D) sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố N, xã CT, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn chị Trịnh Thị L vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn khởi kiện và bản tự khai, chị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Sĩ D đăng ký kết hôn ngày 16/01/2007 tại UBND xã ST, huyện V, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh D chung sống tại Khu phố N, xã CT, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trong cuộc sống chung Chị L và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không chịu làm ăn, rượu chè không cùng gánh vác công việc với chị L, chị L đi làm thì anh D chửi mắng, không động viên chia sẻ, dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi chửi

nhau. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 02/8/2021 đến nay. Chị L xác định không còn tình cảm với anh D, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị L và anh D có hai con chung là Nguyễn Thái D, sinh ngày 22/7/2007 và Nguyễn Phương L sinh ngày 25/12/2014. Chị L nhận nuôi con chung không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Sĩ D không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh đối với Hoàng Hữu Thu trưởng thôn Ngã Ba, xã CT, huyện V, ông Thu cho biết: Chị L và anh D là vợ chồng, lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã ST, huyện V. Sau khi kết hôn, Trong quá trình chung sống tại Khu phố N, xã CT, huyện V. Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Sĩ D có mâu thuẫn, nhưng thôn bản chưa phải tiến hành hòa giải, từ tháng 8/2021 chị L bỏ về ở cùng bố mẹ đẻ. Anh D và chị L đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị L và anh D có hai con chung hiện nay đang ở cùng chị L.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn được Tòa án tổng đạt các văn bản và triệu tập công khai chứng cứ, hòa giải hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình,

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị L xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Sĩ D.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 con chung là Nguyễn Thái D, sinh ngày 22/7/2007 và Nguyễn Phương L sinh ngày 25/12/2014 cho chị L nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Sĩ D có hộ khẩu thường trú tại xã CT, huyện V, tỉnh Yên Bái, vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Sĩ D vắng mặt không có lý do, chị Trịnh Thị L không yêu cầu hoãn phiên tòa và đã có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Sĩ D và nguyên đơn Chị Trịnh Thị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Sĩ D kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã ST, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Sĩ D do tính tình không hợp, nhiều lần mâu thuẫn cãi chửi, đánh nhau, đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả, từ tháng 8/2021 đến nay chị L và anh D đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị L cung cấp cho Tòa án số điện thoại của anh D là 0395874888, Tòa án đã liên lạc thông báo về việc thụ lý giải quyết cũng như các văn bản tố tụng cho anh D, anh D có ý kiến đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị L và anh D thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị L phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thái D, sinh ngày 22/7/2007 và Nguyễn Phương L sinh ngày 25/12/2014. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Sĩ D cấp dưỡng nuôi con. Con chung đều đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt nhất mọi mặt về vật chất, tinh thần và theo ý chí, nguyện vọng của con chưa thành niên,

hiện tại anh D vắng mặt tại địa phương, hiện tại hai con chung đang do chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, cả hai con cùng có nguyện vọng xin được ở cùng chị L, anh D vắng mặt tại địa phương, cần giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000đồng;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn anh Nguyễn Sĩ D.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị L được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Thái D, sinh ngày 22/7/2007 và Nguyễn Phương L sinh ngày 25/02/2019. Anh Nguyễn Sĩ D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0000768 ngày 07/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Sĩ D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CC.THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã ST;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thành Long**